

Nhạc Cung Đình Huế

Lời Toà soạn:

Ngày 7-11 vừa qua tại Paris, tổ chức UNESCO đã chính thức công bố danh mục 28 di sản - trong số 56 hồ sơ của các quốc gia và liên quốc gia - được công nhận là "Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại" trong đó có Nhã nhạc Việt Nam. Như vậy là sau hai lần xét chọn, lần đầu tiên một di sản phi vật thể của Việt Nam được UNESCO chính thức công nhận là di sản của nhân loại trong số 47 kiệt tác đã được tổ chức này thừa nhận. Điều này không đơn giản chỉ là sự thừa nhận giá trị của một di sản phi vật thể mà đòi hỏi quốc gia có di sản ấy phải cam kết thực hiện các kế hoạch nhằm phát huy và bảo vệ kiệt tác đã được ghi vào danh mục.

NHẠC CUNG ĐÌNH DI SẢN VĂN HÓA CỦA NHÂN LOẠI

GS TRẦN VĂN KHÊ

Từ năm 1967, âm nhạc cung đình Huế bắt đầu được các nhà nhạc học phương Tây chú ý đến qua hai đĩa hát có tên Việt Nam I và Việt Nam II trong loạt đĩa mang nhãn hiệu UNESCO, trên đó ghi rõ do Trần Văn Khê và Nguyễn Hữu Ba chỉ đạo nghệ thuật. Hai năm sau, đĩa hát được "Giải thưởng lớn" Deutscher Schallplatten Preiss của Cộng hoà Liên bang Đức, rồi năm 1970 lại được Hàn lâm viện Đĩa hát Pháp (Académie du disque Français) trao "Giải thưởng lớn về Dân tộc nhạc học".

Tuy vậy UNESCO vẫn chưa thật sự quan tâm đến âm nhạc cung đình của chúng ta. Năm 1981, khi sang Việt Nam tham dự một hội nghị bàn việc trùng tu kinh thành Huế, Tổng Giám đốc UNESCO lúc bấy giờ là ông Amadou M. M'bow có dịp xem một chương trình ca múa nhạc cung đình. Thấy ông tỏ ra rất xúc động sau khi xem tiết mục Lân mẫu xuất lân nhi, tôi ngồi bên cạnh bèn nói với ông: "Chúng tôi vô cùng cảm ơn Ngài đã lên tiếng kêu gọi thế giới giúp Việt Nam bảo vệ và trùng tu những di tích lịch sử và văn hoá ở Huế. Nhưng cung điện chỉ là cái xác, còn cái hồn của Huế là thi ca, âm nhạc, vũ điệu và kịch nghệ. Ngài có nghĩ đến việc bảo tồn những di sản văn hoá đó không?".

Ông trả lời rằng: "Chưa, nhưng sẽ phải nghĩ đến". Rồi Ngài về hưu.

Cho đến tháng 6 năm 1993, tại trụ sở UNESCO ở Paris diễn ra cuộc hội thảo về vấn đề bảo tồn di sản phi vật thể với sự có mặt của hơn 30 quốc gia. Anh Đào Viết Trung, thành viên Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, từ Hà Nội sang tham dự đã đưa ra một chương trình bảo tồn di sản phi vật thể kinh thành Huế và vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam.

Hai thành viên nồng nhiệt ủng hộ đề xuất này là Giáo sư Georges Condominas (người đã khám phá ra đàn đá Ndut Liêng Krak ở Đắc Lắc) và tôi, với hai bài tham luận bình vực dự án đồng thời đề nghị UNESCO tiến hành ngay việc tổ chức hội thảo quốc tế tại Việt Nam để thảo luận về các vấn đề nói trên. Bà Gobeil, chủ tọa phiên họp, đã vui vẻ nhận xét rằng hai bài tham luận đầy sức thuyết phục ấy đã có tác dụng tích cực giúp cho dự án của Việt Nam được UNESCO xếp hạng ưu tiên.

Quả nhiên năm đó UNESCO đứng ra tổ chức hai hội nghị quốc tế, một về đề tài "Dân tộc thiểu số trong nước Việt Nam" diễn ra tại Hà Nội do Giáo sư Georges Condominas chủ tọa và hội nghị thứ hai về "Di sản văn hoá vùng Huế" tiến hành tại Huế do tôi chủ tọa. Hội nghị đã đưa ra nhiều nghị quyết như "Ưu tiên thực hiện việc bảo tồn và phát huy âm nhạc cung đình Huế", "Nhạc Phật giáo Huế" và cả âm nhạc truyền thống dân gian trong đó có "Hầu Văn". Cũng tại hội nghị này, hai giáo sư Nhật Bản Yamaguti và Tokumaru đã đề xuất một chương trình cụ thể như (1) Mời đoàn Ca vũ nhạc cung đình Huế tham dự Nhạc hội Tokyo năm 1993, nhân đó Đài truyền hình nổi tiếng NHK đã phát một chương trình giới thiệu về âm nhạc cung đình Huế rất đặc sắc. (2) Vận động Toyota Foundation tài trợ cho một đoàn chuyên viên đến Huế nghiên cứu về âm nhạc cung đình, trong

đó tôi vinh dự được chính thức mời làm cố vấn đặc biệt. Đoàn sử dụng những phương tiện hiện đại ghi âm ghi hình về ca múa nhạc cung đình Huế để làm tư liệu tàng trữ tại trường Đại học Osaka và tặng lại một bản cho phía Việt Nam. (3) Hai giáo sư Nhật cũng xin được tài trợ của Japan Foundation để tổ chức tại Huế một “Đại học Nhã Nhạc” nhằm đào tạo diễn viên và nhà nghiên cứu âm nhạc cung đình.

Đó cũng chính là một trong những điều kiện cần thiết để hồ sơ xin công nhận Nhạc cung đình là kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại được UNESCO xem xét.

* * *

Lẽ tất nhiên muốn được nhìn nhận như vậy, trước hết âm nhạc cung đình phải có một giá trị rất cao về phương diện lịch sử cũng như nghệ thuật.

Tuy được sử dụng trong cung đình, nhưng việc sáng tạo và biểu diễn âm nhạc cung đình đều do những nhạc sĩ, nghệ sĩ tài năng xuất thân từ trong dân gian được sung vào phục vụ cho triều đình vốn vừa có khả năng tài chánh vừa đủ quyền lực chánh trị để tạo cho họ điều kiện trau dồi nghệ thuật ngày càng tinh vi. Về mặt lịch sử, chưa có một bộ môn âm nhạc nào trong nước được ghi vào sử sách Việt Nam nhiều như Nhã nhạc: Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định thông giám Việt sử cương mục, Lê triều hội điển, Lịch triều hiến chương loại chí, Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ. Không chỉ sách sử trong nước mà cả nước ngoài như Khâm Định Đại Thanh hội điển sự lệ? của Trung Quốc cùng các bài viết bằng tiếng Pháp trong các tuyển tập của Tạp chí Những người bạn của cố đô Huế (Bulletin des Amis du Vieux Huế) cũng có đề cập đến.

Về mặt nghệ thuật, nhạc khí dùng trong nhạc cung đình rất đẹp trong hình thức (đóng ráp kỹ, chạm trổ khéo) lại có đầy đủ màu âm (tiếng kim, tiếng thổ, tiếng tơ, tiếng trúc, tiếng đồng, tiếng đá, tiếng da, tiếng mộc). Đàn nhạc đa dạng với Đại nhạc gồm đại hồng chung, đại cổ, trống võ, bồng, mõ, thanh la, chập choã, sinh tiền, kèn, nhị; Tiểu Nhạc có đờn nguyệt, đờn tam, tỳ bà, đờn nhị, sáo trúc,

trống bồng, tam âm la, sinh tiền.

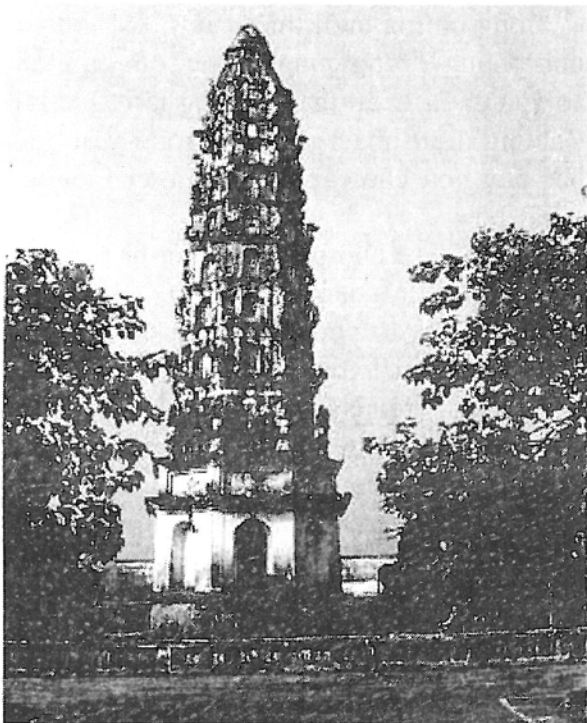
Đàn nhạc đặt trọng tâm vào chất lượng và sự phối hợp màu âm, chẳng hạn như khi dàn Nhã nhạc hoà tấu có thể nghe rõ âm thanh của từng cây đờn: tiếng chũng chạc, trang nghiêm của đờn nguyệt, tiếng chuyển tiếng phi bay bướm của tỳ bà, tiếng đờn nhị trong vắt, tiếng đục khi về khi khảy của đờn tam, tiếng nỉ non vi vút của sáo trúc, tiếng kim của tam âm la, tiếng mộc của sinh tiền. Tất cả hoà theo tiếng nhịp của trống bồng, khi khoan khi nhặt, khi vào nội phách, khi ra ngoại phách, tấu lên mười bài Ngự từ nhịp điệu khoan thai của các bản Phẩm tuyệt, Nguyên tiêu lần lần dồn dập của mấy bài Hồ Quảng, Liên hoàn, Bình bán, Tây Mai, Kim Tiền, rộn rã từ Xuân phong qua Long hổ đi đến náo nhiệt như tiếng vó ngựa trong bài Tẩu Mã.

Ngoài thang âm điệu thức đa dạng, tiết tấu phong phú, bài bản dồi dào, âm nhạc cung đình còn có công dụng, chức năng rất đa dạng. Khi là nhạc lễ trong dịp Tế Giao, Tế Miếu hay trong những buổi thiết triều; khi là loại thính phòng Trung cung chi nhạc biểu diễn cho vua chúa triều thần thưởng lãm, lúc lại là những điệu nhạc giúp vui trong yến tiệc hoặc phụ hoạ cho các điệu múa, cho những vở hát bội.

Tuy nhiên, dấu cho bản thân âm nhạc cung đình có giá trị rất cao nhưng làm được bộ hồ sơ thoả mãn các yêu cầu của UNESCO là một việc hoàn toàn không đơn giản. Các chuyên gia Việt Nam đã bền tâm kiên trì thâm thập các công trình nghiên cứu về âm nhạc cung đình của Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế, tập trung toàn bộ những tư liệu về lịch sử, hình ảnh, đĩa hát, băng ghi âm, phim ảnh và sắp xếp có hệ thống trong một hồ sơ trên cả trăm trang giới thiệu chi tiết và chứng minh đầy đủ. Thật ra công việc này chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Ở đây phải ghi nhận đóng góp lớn lao của Bà Noriko Aikawa - Trưởng phòng Văn hóa và sáng tạo nghệ thuật và là nhân vật có tiếng nói quan trọng trong lĩnh vực văn hóa của UNESCO, nay vừa nghỉ hưu - đã tích cực tiếp

tay trong chuyện này. Đích thân Bà đến Huế gặp gỡ các chuyên gia Việt Nam, trao đổi và đóng góp nhiều ý kiến quý giá để bổ túc vào hồ sơ, đề nghị tham khảo kinh nghiệm của các giáo sư Nhật Bản và Hàn Quốc là những người từng giới thiệu thành công hồ sơ của hai nước này để UNESCO công nhận “kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại” hai năm về trước.

Các chuyên gia Việt Nam cũng đã nhận nại sửa chữa năm lần bảy lượt, và chỉ đến khi nhận thấy bộ hồ sơ về Nhã nhạc của chúng ta đã đầy đủ, vững vàng cả về nội dung lẫn hình thức thì Bà Noriko Aikawa mới chính thức chuyển đến Ban thẩm định của UNESCO.



Chùa Thiên Mụ - Huế

TÌM HIỂU KÝ HIỆU Y KHOA

Bác sĩ Phan G. Sang

Trong đời sống hàng ngày, nhiều khi rất khó cho mình trình bày ra hết tất cả chi tiết. Giới y khoa nhiều khi rất khổ tâm đương đầu với sự thật, mà sự thật thì mất lòng! Chính vì vậy mà giới y khoa thường dùng ký hiệu TB, bệnh lao nhưng nếu làm ám hiệu (theta: ?) nầy thì người bệnh nhìn thấy mà không biết họ viết gì, họ định bệnh gì? Tuy nhiên cũng có những ký hiệu thông thường mà ai ai cũng biết là nó tượng trưng cho cái gì nhưng không hiểu tại sao họ dùng nó.

Để giúp quý vị hiểu rõ, chúng tôi xin đơn cử ra đây vài dấu: Ó, O, K, Dx, Px, Rx, TB (?) và CA (K).

Vòng tròn có mũi tên O->, ám chỉ phái nam, male. (Chữ Latin = musculus).

Dấu O-> thì ai cũng biết còn ? ít có ai biết được vì nó chỉ dùng trong di truyền học như định luật Mendel mà thôi như:

O-> x O+ hay ? —+—O.

Nhưng tại sao dấu vẽ O có mũi tên O-> nầy lại biểu tượng cho nam tính? Nó phát nguồn từ đâu?

Từ cổ chí kim, hễ nói tới phái nam là người ta nghĩ ngay tới những bắp thịt vạm vỡ, phải có thân hình tráng kiện hình chữ V như Vọi, trong tiểu thuyết “Trống Mái” của Khái Hưng. Tượng “David” của Michelangelo (1475-1564) đặt tại Florence, diễn tả một thân mình lực lưỡng, cân đối tuyệt mỹ. Hãy đến đó mà chiêm ngưỡng tuyệt tác trứ danh nầy mới được.

Theo Pháp, phái nam là phái trả tiền, phái “galant” hay “gentleman”. Theo quyển từ điển Y học trên thì phái nam là phái tạo ra tinh trùng.

Dầu ở thời thượng cổ, bán khai người đàn